

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

CÔNG TY CỔ PHẦN LICOGI 13

Năm báo cáo: 2020

(Thực hiện theo mẫu Phụ lục số 04 kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính về việc Hướng dẫn Công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán)

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: **CÔNG TY CỔ PHẦN LICOGI 13**

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: **0100106426**

- Vốn điều lệ: **648.980.320.000 đồng**

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: **648.980.320.000 đồng**

- Địa chỉ: Tòa nhà LICOGI 13, đường Khuất Duy Tiến, phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội

- Số điện thoại: **024-3854 4623** - Số fax: **024-3854 4107**

- Website: **licogi13.com.vn**

- Mã cổ phiếu: **LIG**

Quá trình hình thành và phát triển

- *Quá trình hình thành và phát triển:*

- Thành lập: năm 1960 với tiền thân là Công trường cơ giới 57.

- Năm 1980: Xí nghiệp thi công cơ giới số 13.

- Năm 1989: Xí nghiệp Cơ giới và Xây lắp số 13 trực thuộc Liên hiệp các Xí nghiệp thi công cơ giới.

- Năm 1996: Công ty Cơ giới và Xây lắp số 13 trực thuộc Tổng Công ty Xây dựng và Phát triển hạ tầng.

- Năm 2005: Chuyển đổi hình thức sở hữu từ Công ty Nhà nước sang Công ty cổ phần theo Quyết định số 2088/QĐ-BXD ngày 29/12/2004 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

- *Các sự kiện khác:*

- Ngày 25/02/2008: Công ty Cổ phần LICOGI 13 trở thành Công ty đại chúng với vốn điều lệ 60.000.000.000 VNĐ.

- Ngày 30/3/2010: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) có Quyết định số 179/QĐ-SGDHN về việc chấp thuận niêm yết 6.000.000 cổ phiếu của LICOGI 13 tại sàn HNX.

- Ngày 22/4/2010: Ngày đầu tiên cổ phiếu niêm yết với mã chứng khoán LIG thực hiện giao dịch trên sàn HNX.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

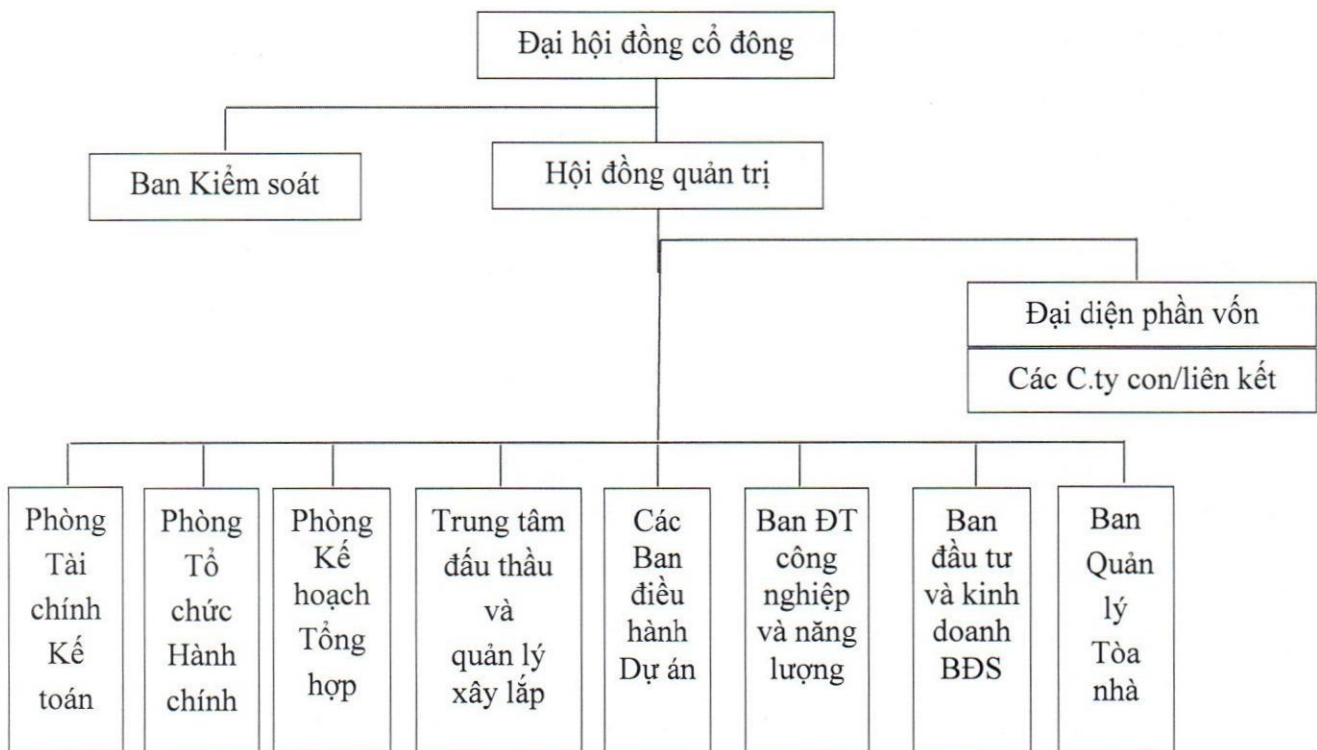
- Ngành nghề kinh doanh chính (các ngành nghề kinh doanh hoặc sản phẩm, dịch vụ chính chiếm trên 10% tổng doanh thu trong 02 năm gần nhất): Thi công xây lắp bằng cơ giới: mặt bằng, nền móng và hạ tầng kỹ thuật các loại công trình dân dụng, công nghiệp, công cộng, thủy lợi, giao thông khu đô thị, khu công nghiệp; Đầu tư kinh doanh bất động sản; Sản xuất vật liệu xây dựng; Sản xuất truyền tải và phân phối điện; Bán buôn nhiên liệu rắn lỏng khí và các sản phẩm liên quan... và một số ngành nghề khác.

- Địa bàn kinh doanh tại nhiều tỉnh, thành phố (các địa bàn hoạt động kinh doanh chính, chiếm trên 10% tổng doanh thu trong 02 năm gần nhất): Hà Nội, Quảng Ninh; Hà Giang, Sơn La, Thái Nguyên, Quảng Bình, Quảng Trị, Quảng Nam, Đà Nẵng; Thành phố Hồ Chí Minh, An Giang...

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

- **Mô hình quản trị:** Theo hình thức **Công ty Cổ phần** tuân thủ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các quy định pháp luật hiện hành có liên quan; Điều lệ và các Quy chế quản trị nội bộ.

- **Cơ cấu tổ chức:**



- Các công ty con, công ty liên kết:

TT	Đơn vị	Địa chỉ	Vốn điều lệ	LICOGI 13 cam kết góp vốn	
				Giá trị (đồng)	Tỷ lệ (%)
1	Công ty CP LICOGI 13 - Nền móng Xây dựng (LICOGI 13 – FC)	Tòa nhà LICOGI 13, đường Khuất Duy Tiến, TX, HN	160.000.000.000	81.600.000.000	51
2	Công ty CP LICOGI 13 – Cơ giới hạ tầng (LICOGI 13 – IMC)	Tầng 1, Đơn nguyên B, Tòa nhà LICOGI 13, đường Khuất Duy Tiến, TX, HN	33.200.000.000	20.842.000.000	62,8
3	Công ty CP LICOGI 13 - Vật liệu Xây dựng (LICOGI 13 – CMC)	Tầng 1, Đơn nguyên A, Tòa nhà LICOGI 13, Khuất Duy Tiến, TX, HN	34.539.400.000	21.292.220.000	61,65
4	Công ty CP Đầu tư Nông nghiệp Sài Gòn Thành Đạt	21 Trần Phú, Phường Thạch Thang, Quận Hải Châu, Đà Nẵng.	60.000.000.000	32.100.000.000	53,5
5	Công ty CP Địa ốc Xanh Sài Gòn Thuận Phước	07 Đặng Tử Kính, Phường Thạch Thang, Quận Hải Châu, Đà Nẵng.	95.000.000.000	58.000.000.000	61
6	Công ty CP LICOGI13 Đầu tư XD và hạ tầng	Đường số 2, khu số 4 phường An Phú, Quận 2, TP Hồ Chí Minh	90.000.000.000	85.000.000.000	94,4
7	Công ty TNHH MTV Trường TC nghề công trình 1	Thôn Dương Nội, xã Tân Dân, huyện Sóc Sơn, Hà Nội	10.400.000.000	10.400.000.000	100
8	Công ty CP Sông Nhiệm 3	Xã Niêm Sơn, huyện Mèo Vạc, tỉnh Hà Giang	165.000.000.000	105.600.000.000	64

TT	Đơn vị	Địa chỉ	Vốn điều lệ	LICOGI 13 cam kết góp vốn	
				Giá trị (đồng)	Tỷ lệ (%)
9	Công ty CP năng lượng dầu khí toàn cầu	66 đường Nguyễn Trãi, Tổ 9, Phường Quyết Thắng, TP Sơn La, Tỉnh Sơn La	300.000.000.000	261.300.000.000	87,1
10	Công ty CP năng lượng tái tạo LICOGI13	Tầng 4, Tòa nhà LICOGI13, Khuất Duy Tiến, Nhân Chính, Thanh Xuân, HN	75.000.000.000	30.000.000.000	40
11	Công ty TNHH MTV điện mặt trời Quảng Trị	Thôn Nhĩ Hạ, xã Gio Hải, huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị	241.901.300.000	241.901.300.000	100
12	Công ty CP LIG – Hướng Hóa 1	Số 37 Đường Lý Thường Kiệt, P.Đông Lương, TP.Đông Hà, Quảng Trị	360.000.000.000	324.000.000.000	90
13	Công ty CP LIG – Hướng Hóa 2	Số 37 Đường Lý Thường Kiệt, P.Đông Lương, TP.Đông Hà, Quảng Trị	360.000.000.000	324.000.000.000	90
14	Công ty CP công nghệ và vật liệu chuyên dụng LICOGI13	Tòa nhà LICOGI13, đường Khuất Duy Tiến, NC, T.Xuân, Hà Nội	13.968.000.000	2.721.360.000	19,5
15	Công ty CP MELIG13		30.000.000.000	15.300.000.000	51
16	Công ty CP Hà Thái Vina Thái Bình	Số nhà 14, đường Bùi Viện, thị trấn Tiền Hải, huyện Tiền Hải, T.Bình	20.000.000.000	9.800.000.000	49

4. Định hướng phát triển:

4.1 Các mục tiêu chủ yếu của Công ty năm 2021:

a) Các chỉ tiêu chính:

- *Doanh thu hợp nhất tối thiểu: 2.250 tỷ đồng.*
- *Lợi nhuận trước thuế Công ty Mẹ (LIG): 64 tỷ đồng.*
- *Giá trị đầu tư: 2.270 tỷ đồng.*

b) Các chương trình, mục tiêu về SXKD và đầu tư:

Về xây lắp: Tiếp tục nâng cao hiệu quả hoạt động xây lắp bằng các phương án tổ chức thực hiện tối ưu đối với từng loại công trình/dự án; xây dựng hệ thống và qui trình quản lý xây lắp đối với một nhà thầu chuyên nghiệp, phát huy mô hình tổng thầu xây lắp cùng với các giải pháp kiểm soát và phòng ngừa rủi ro trước, trong và sau quá trình thực hiện hợp đồng.

Về đầu tư: Thực hiện các dự án đầu tư, cụ thể:

*** Các dự án Bất động sản:**

- Dự án Khu nhà ở xã hội khu công nghiệp Hòa Khánh (Đà Nẵng):

Dự án có quy mô 08 tòa nhà chung cư cao từ 12-15 tầng, trong đó:

+ 02 tòa nhà ở xã hội E1&E2 đã bàn giao cho khách hàng và quyết toán, kiểm toán xong năm 2019.

+ 02 tòa nhà ở xã hội B1&B1A đã bàn giao cho khách hàng; Ghi nhận doanh thu trong năm 2020 là 91 tỷ đồng.

+ 01 tòa B3 thương mại và 02 tòa E3&E4: đã thi công xong phần thô và cất mái, đang tiến hành hoàn thiện. Năm 2021 sẽ đẩy nhanh các hạng mục còn lại để bàn giao nhà cho khách hàng, dự kiến bàn giao chậm nhất vào tháng 6/2021.

+ Hoàn thành công tác bàn giao các căn hộ bán và cho thuê căn hộ XH còn lại và tiến hành quyết toán với các nhà thầu và kiểm toán công trình.

+ Khởi công tòa B2 trong tháng 4/2021, dự kiến hoàn thành vào tháng 8/2022.

- Dự án nhà ở Khu dân cư và dịch vụ Cầu Hưng Lai Nghi (Quảng Nam):

Giai đoạn I: Hoàn thiện các hạng mục hạ tầng còn lại của dự án, nghiệm thu hoàn thành dự án, quyết toán dự án đầu tư; Hoàn thành dứt điểm công tác cấp sổ và tách sổ con cho các khách hàng còn lại của dự án.

Giai đoạn II: Năm 2021 hoàn thành phần hạ tầng, công tác giải phóng mặt bằng dự kiến đạt 80% diện tích còn lại.

Giai đoạn III: Hoàn thành việc lập điều chỉnh qui hoạch chi tiết 1/500.

- Dự án Khu du lịch cao cấp Trà Cổ (Quảng Ninh): Hoàn thành các hạng mục: Hạ tầng kỹ thuật; xây và hoàn thiện 11 căn biệt thự biển 1 tầng; 34 căn biệt thự 3 tầng; cây xanh cảnh quan khu A2 và 07 căn shophouse còn lại.

Dự kiến 30/6/2021 sẽ cơ bản hoàn thành việc xây thô, hoàn thiện mặt ngoài và bán sản phẩm.

- **Dự án Khu đô thị thương mại Bắc Kênh đào (An Giang):** Hoàn thành công tác đền bù GPMB; Phê duyệt qui hoạch 1/500; Hoàn thành công tác xác định tiền sử dụng đất, giao đất và khởi công dự án; Dự kiến sản phẩm bán ra thị trường trong Quý II/2020.

- **Dự án Khu công nghiệp Quán Ngang giai đoạn 3 (Quảng Trị):**

Địa điểm thực hiện dự án: huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị.

Quy mô đầu tư: Diện tích đất là 116,74ha.

Tổng mức đầu tư dự kiến: 710 tỷ đồng

Sản phẩm, dịch vụ cung cấp: Xây dựng đồng bộ kết cấu hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp cho các nhà đầu tư thuê lại để xây dựng nhà xưởng; văn phòng,...

Dự án đã được phê duyệt bổ sung Quy hoạch; Phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường; Lập hồ sơ Thiết kế cơ sở; Thẩm định HSDA tại Ban Quản lý Khu Kinh tế tỉnh Quảng Trị.

Đang hoàn tất các thủ tục xin quyết định chủ trương đầu tư, thuê đất, xin giấy phép xây dựng; sắp xếp nguồn tài chính ban đầu thực hiện dự án. Quý IV/2021 sẽ triển khai công tác GPMB; dự kiến Quý IV/2025 đưa vào khai thác thương mại.

* **Các Dự án Năng lượng, Công nghiệp:**

- **02 Dự án Nhà máy Điện gió Hướng Hóa 1 và Hướng Hóa 2:**

+ Ký hợp đồng mua bán điện với tập đoàn Điện lực Việt Nam;

+ Thỏa thuận tổng mặt bằng 1/500 dự án; Thỏa thuận đấu nối (nước, điện, giao thông), đánh giá tác động môi trường;

+ Thực hiện thủ tục xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hai dự án; Chứng chỉ đào tạo vận hành Giấy phép hoạt động điện lực; Giấy chứng nhận vận hành thương mại (COD).

+ Thực hiện giải phóng mặt bằng; Thiết kế kỹ thuật và thiết kế bản vẽ thi công; Thỏa thuận hợp đồng mua bán thiết bị (tuabin) và mở LC.

- **Dự án Thủy điện Sông Nhiệm 3 (Hà Giang):**

+ Hoàn thành xong công tác thi công bê tông đập vai trái, vai phải, đập tràn; công xả cát; cửa nhận nước.

+ Thi công lắp đặt thiết bị cơ khí thủy công và thiết bị cơ điện cho công trình.

+ Dự kiến Quý II/2022 hoàn thành công trình và phát điện.

- **Dự án Thủy điện Nậm Pàn 5 (Sơn La):**

Triển khai đền bù giải phóng mặt bằng, thi công các công trình phụ trợ; Dự kiến Quý IV/2021 khởi công và thi công các hạng mục công trình chính. Dự kiến hoàn thành công trình và phát điện vào Quý IV/2023.

4.2 Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

- Trong vòng 3 đến 5 năm mức vốn hóa thị trường của công ty đạt khoảng 70 triệu USD với giá cổ phiếu đạt 0,7 USD/1 cổ phiếu.

- Kiên định mục tiêu chuyển đổi cơ cấu ngành nghề của Công ty dựa trên 3 trụ cột để đảm bảo sự hài hòa, bền vững giữa hiệu quả hàng năm (*ngắn hạn*), 3-5 năm (*trung hạn*) và trên 5 năm (*dài hạn*), bao gồm **xây dựng, bất động sản, công nghiệp và hạ tầng phát triển ở tầm cao hơn, vững chắc và hiệu quả hơn.**

- Lĩnh vực xây dựng: *Đủ năng lực nhận thầu EPC; Doanh thu xây lắp bình quân 1.800 tỷ đồng/năm;*

- Lĩnh vực bất động sản: *Doanh thu bất động sản bình quân 300 tỷ đồng/năm;* Thực hiện đầu tư một số dự án BĐS nhà ở, khu nghỉ dưỡng tại Hưng Yên, Quảng Ninh, Quảng Bình, Quảng Nam Đà Nẵng, An Giang, Cần Thơ, Phú Quốc... và một số địa phương có tiềm năng;

- Lĩnh vực công nghiệp và hạ tầng: Hoàn thành đầu tư 300 MWp điện từ các dự án năng lượng (Mặt trời, điện gió); Đưa vào khai thác, vận hành tối thiểu **02** nhà máy thủy điện nhỏ, **02** nhà máy năng lượng tái tạo khác, **01** khu công nghiệp.

- Tỷ lệ tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận: **8 - 10%/năm;**

- Thu nhập bình quân của người lao động tăng trưởng: **5% - 7%/năm;**

- Thực hiện tái cấu trúc doanh nghiệp thường xuyên và nâng cao chất lượng hoạt động M&A mang lại hiệu quả kinh tế;

- Quy mô vốn: Tối thiểu 1.000 tỷ đồng vào năm 2022; Có lộ trình tăng vốn điều lệ phù hợp với quy mô phát triển của Công ty;

- Duy trì cổ tức hàng năm cho cổ đông không dưới 5%. Phân đấu đến cuối năm 2025, thu nhập trên mỗi cổ phiếu (EPS) đạt 2.000 đồng;

- Xây dựng, thực hiện hệ thống quản trị phù hợp với chuẩn mực và thông lệ quốc tế, phù hợp với các qui định của pháp luật Việt Nam.

4.3 Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty.

- Mỗi năm giảm 1% chi phí năng lượng dựa trên chỉ số chi phí năng lượng/doanh thu từng lĩnh vực hoạt động.

- Không để xảy ra các vi phạm về môi trường trong phạm vi toàn hệ thống.

- Tại các địa bàn Công ty có triển khai các công trình dự án: Tham gia thường xuyên các chương trình từ thiện, tình nguyện vì cộng đồng; Tăng tỷ lệ sử dụng lao động địa phương.

- Tuân thủ các qui định phòng chống dịch COVID-19 trong điều kiện bình thường mới.

5. Các rủi ro:

Trong quá trình hoạt động, nhiều yếu tố rủi ro luôn tồn tại và ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty như:

*** Rủi ro luật pháp:**

Là công ty đại chúng và niêm yết cổ phiếu trên sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội, hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực xây lắp, sản xuất công nghiệp, đầu tư bất động sản, năng lượng... hoạt động của Công ty chịu sự điều chỉnh của nhiều qui định: Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Luật Đầu tư và các luật liên quan đến lĩnh vực, ngành nghề kinh doanh của Công ty như: Luật Xây dựng, Luật Đất đai, Luật Nhà ở và Luật Kinh doanh Bất động sản ... cùng với đó là rất nhiều các văn bản dưới luật. Mọi hoạt động của DN trong quá trình đầu tư, kinh doanh đều chịu sự điều chỉnh của nhiều văn bản pháp luật khác nhau, bên cạnh đó, DN phải thực hiện nhiều thủ tục hành chính trùng lặp, thời gian xử lý thủ tục hành chính kéo dài... dẫn tới tạo gánh nặng về mặt chi phí, tốn kém thời gian, thậm chí lỡ nhịp thời cơ đầu tư kinh doanh.

*** *Rủi ro lạm phát:***

Lạm phát năm 2020 được kiểm chế, tuy nhiên với tình hình biến động giá cả nguyên vật liệu, đặc biệt giá thép XD đang tăng cao từ cuối năm 2020 cùng với diễn biến phức tạp của dịch bệnh ... dẫn đến áp lực lạm phát sẽ ảnh hưởng không nhỏ tới nền kinh tế trong đó có các DN hoạt động trong lĩnh vực XD, kinh doanh bất động sản như LICOGI13.

*** *Rủi ro về lãi suất:*** Do ảnh hưởng dịch COVID-19, trong năm 2020 các tổ chức tín dụng đưa ra các chương trình hỗ trợ khách hàng như: Giảm lãi vay, cơ cấu nợ, gia hạn nợ.... Tuy nhiên Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Doanh nghiệp quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

• *Rủi ro đặc thù ngành:*

- ***Rủi ro về thanh toán:*** Trong lĩnh vực Xây dựng – Bất động sản đòi hỏi vốn lớn, chu kỳ kinh doanh kéo dài, việc nghiệm thu, bàn giao được thực hiện từng phần do đó các công ty trong ngành phải duy trì hệ số nợ cao và thời gian thanh toán kéo dài. Việc thực thi các chế tài đối với các hành vi vi phạm các điều khoản về thanh toán hợp đồng chưa đủ mạnh nên yếu tố này ảnh hưởng lớn đến hiệu quả cũng như các kế hoạch kinh doanh của doanh nghiệp.

- ***Rủi ro về cạnh tranh:*** Việt Nam đang hội nhập ngày càng sâu rộng vào kinh tế thế giới. Một trong các thách thức lớn nhất mà các doanh nghiệp Việt Nam phải đối mặt là việc phải cạnh tranh với các đối thủ mang tầm quốc tế có quy mô và hệ thống quản trị mạnh hơn rất nhiều. Nếu không có các chiến lược quản trị, phát triển nguồn lực phù hợp thì các doanh nghiệp Việt Nam khó có thể thắng trong các “cuộc chiến” không cân sức với các đối thủ mang tầm quốc tế.

• *Rủi ro từ môi trường:*

Mặc dù các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty không chịu tác động trực tiếp từ rủi ro về môi trường như các ngành nghề sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp ... Tuy nhiên rủi ro từ môi trường có thể ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh thể hiện qua các mặt: thiếu hụt tài nguyên, gia tăng chi phí sử dụng tài nguyên, thiên tai có thể ảnh hưởng trực tiếp đến tiến độ, chất lượng, chi phí đầu tư xây dựng các công trình. Thiên tai, dịch bệnh, biến đổi

khí hậu cũng ảnh hưởng đến hoạt động SXKD của doanh nghiệp.

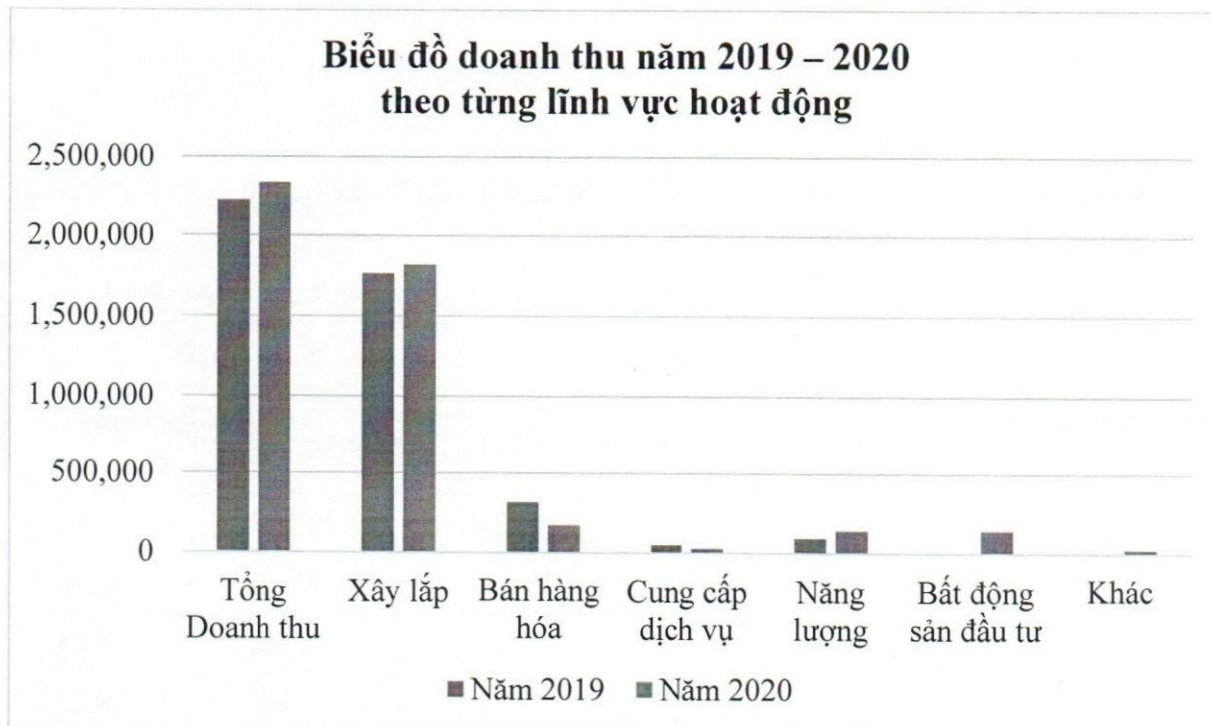
II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

a) **Doanh thu hợp nhất: 2.338.313 triệu đồng** bằng **115%** kế hoạch năm. Doanh thu theo lĩnh vực hoạt động của Công ty như sau:

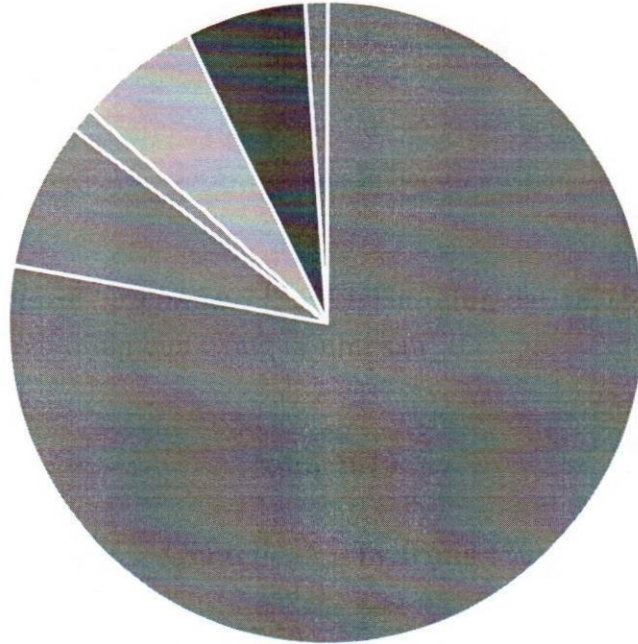
Lĩnh vực	Năm 2019		Năm 2020	
	Giá trị (Tr.đ)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (Tr. Đ)	Tỷ trọng (%)
DT hoạt động xây lắp	1.764.703	79,18	1.819.932	77,83
DT bán hàng hóa	318.595	14,29	176.146	7,53
DT cung cấp dịch vụ	50.043	2,25	28.673	1,22
Năng lượng	95.454	4,28	143.868	6,15
DT hoạt động kinh doanh BĐS đầu tư			143.019	6,11
Khác	0	0	26.675	1,14
Tổng Doanh thu	2.228.795	100	2.338.313	100

Biểu đồ doanh thu năm 2019 – 2020 theo từng lĩnh vực hoạt động:



Doanh thu 2020 tăng so với doanh thu năm 2019 do doanh thu xây lắp, doanh thu doanh thu sx công nghiệp (năng lượng) tăng và phát sinh doanh thu kinh doanh BĐS đầu tư.

**Tỷ trọng Doanh thu các lĩnh vực
Năm 2020**



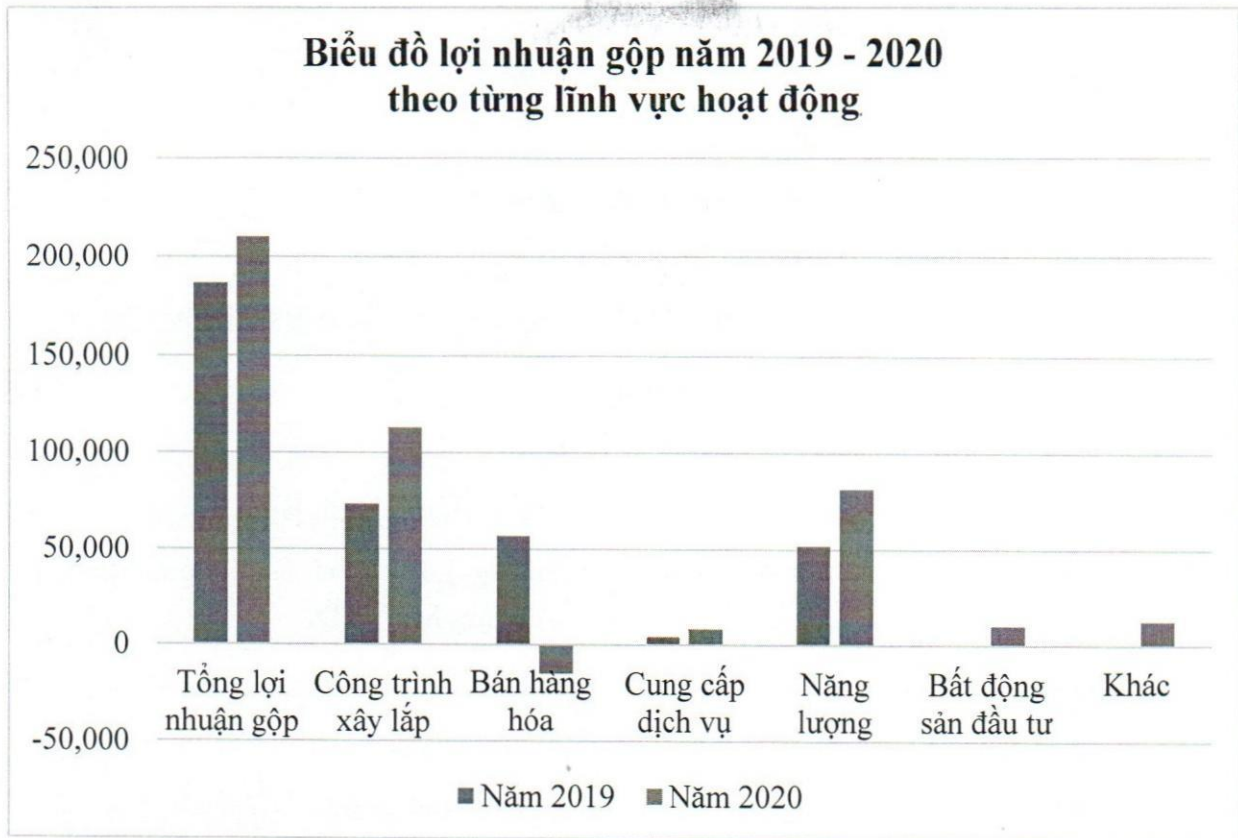
- Xây lắp ■ Bán hàng hóa ■ Cung cấp dịch vụ
- Năng lượng ■ Bất động sản đầu tư ■ Khác

b) Lợi nhuận sau thuế hợp nhất: 11.033 triệu đồng đạt 18,7% kế hoạch năm. Lợi nhuận gộp từng lĩnh vực hoạt động của Công ty như sau:

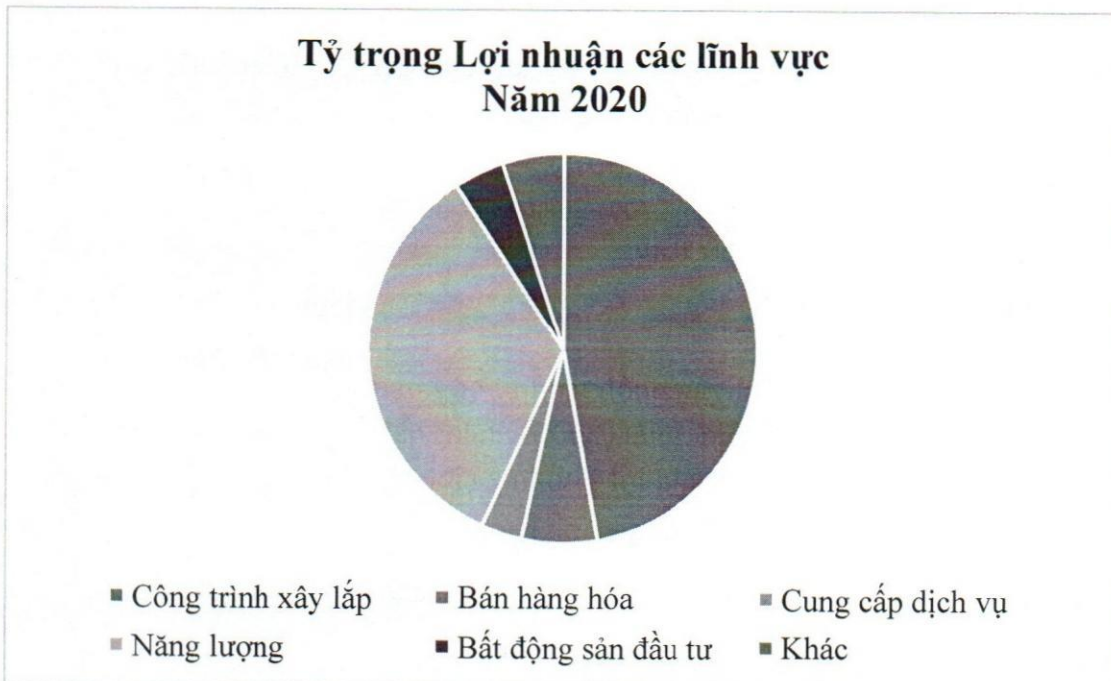
Đơn vị tính: Triệu đồng

Lĩnh vực hoạt động	Năm 2019		Năm 2020	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
Công trình xây lắp	73.504	39,38	113.277	53,84
Bán hàng hóa SP	57.001	30,54	-15.069	-7,16
Cung cấp dịch vụ	4.136	2,22	8.178	3,88
Năng lượng	52.016	27,87	81.467	38,72
Bất động sản đầu tư			10.025	4,76
Khác			12.511	5,94
Tổng lợi nhuận gộp	186.657	100	210.389	100

Biểu đồ lợi nhuận gộp các lĩnh vực hoạt động của Công ty năm 2019-2020



Năm 2020, lợi nhuận gộp từ hoạt động xây lắp, cung cấp dịch vụ, tăng, hoạt động sản xuất công nghiệp (năng lượng) tăng, phát sinh LN gộp hoạt động BĐS đầu tư, hoạt động khác, nhưng lợi nhuận gộp từ bán hàng hóa giảm.



2. Tổ chức và nhân sự

2.1 Danh sách Ban điều hành:

❖ Ông Phạm Văn Thăng Chức vụ: Tổng Giám đốc

- Ngày tháng năm sinh: 12/08/1977
- CMND: 012928363, cấp ngày 19/04/2008 tại CA.Hà Nội
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Nguyên quán: Gia Vượng – Gia Viễn – Ninh Bình
- Địa chỉ thường trú: Số nhà 58- Đường 3.3 – KĐT Gamuda Garden – P.Trần Phú – Hoàng Mai - HN
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư kinh tế giao thông
- Số CP nắm giữ và được ủy quyền: 3.481.631 CP tương ứng 5,36 % VDL
 - o Đại diện sở hữu: 0
 - o Cá nhân sở hữu: 3.481.631 CP tương ứng 5,36 % VDL

❖ Bà Nguyễn Thanh Tú Chức vụ: Thành viên HĐQT- Phó TGĐ

- Ngày tháng năm sinh: 10/02/1980
- CMND: 01180006389, do cục CS QLHC TTXH cấp ngày 01/6/2015
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Nguyên quán: Văn Khê – Hoài Đức – Hà Nội
- Địa chỉ thường trú: H7.TT3.BT18 – KĐT Starlake – P.Xuân Tảo – Q.Bắc Từ Liêm - HN
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Kinh tế
- Số CP nắm giữ và được ủy quyền: 257.202 CP tương ứng 0,39% VDL
 - o Đại diện sở hữu: Không
 - o Cá nhân sở hữu: 257.202 CP tương ứng 0,39% VDL

❖ Ông Trần Quang Huy Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc

- Ngày tháng năm sinh: 17/08/1972

- CMND: 012532531, cấp ngày 07/11/2013 tại CA.Hà Nội
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Nguyên quán: Thanh Lư – Thanh Liêm – Hà Nam
- Địa chỉ thường trú: C44-TT14 Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội
- Trình độ văn hóa: 10/10
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư thủy lợi
- Số CP nắm giữ và được ủy quyền: Không
 - o Đại diện sở hữu: Không
 - o Cá nhân sở hữu: Không

❖ Ông Đỗ Thanh Hà Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc

- Ngày tháng năm sinh: 27/10/1973
- CMND: 030073002922 do Cục cảnh sát đăng ký QLĐKQL cư trú và DLQG về dân cư cấp ngày 06/6/2017
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Nguyên quán: Vĩnh Tiên – Vĩnh Bảo – Hải Phòng
- Địa chỉ thường trú: Căn hộ 1401 ĐNA – Chung cư LICOGI13, P.Nhân Chính, Q. Thanh Xuân, Hà Nội
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Xây dựng
- Số CP nắm giữ và được ủy quyền: 642.232 CP tương ứng 0,98% VDL
 - o Đại diện sở hữu: Không
 - o Cá nhân sở hữu: 642.232 tương ứng 0,98% VDL

*** Ông Lê Xuân Thành : Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc**

- Ngày tháng năm sinh: 27/5/1979
- CMND: 013101490 do CA Hà Nội cấp 10/9/2010
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh

- Nguyên quán: Hoàng Sơn – Hoàng Hóa – Thanh Hóa
- Địa chỉ thường trú: Căn hộ B2914 – Golden Palace – Phường Mỹ Trì – Quận Nam Từ Liêm – Hà Nội
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ điện tử viễn thông
- Số cổ phần nắm giữ và được ủy quyền: Không
 - o Đại diện sở hữu: Không
 - o Cá nhân sở hữu: Không

❖ **Bà Nguyễn Thị Thơm**

Chức vụ: Kế toán trưởng

- Ngày tháng năm sinh: 22/11/1964
- Nơi sinh: Lào Cai
- CCCD: 010164000056 do Cục 06/11/2020
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Nguyên quán: Quang Trung – Vụ Bản – Nam Định
- Địa chỉ thường trú: Tổ 24, Mai Dịch, Cầu Giấy, Hà Nội
- Trình độ văn hóa: 10/10
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
- Số cổ phần nắm giữ và được ủy quyền: 95.749 CP tương ứng 0,14% VDL
 - o Đại diện sở hữu: 0
 - o Cá nhân sở hữu: 95.749 CP tương ứng 0,14% VDL

2.2 Những thay đổi trong ban điều hành: Không

2.3 Số lượng cán bộ, nhân viên; Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động.

Tổng số lao động của LICOGI13 tại thời điểm 31/12/2020 là 599 người, cơ cấu lao động theo trình độ được thể hiện trong bảng sau:

Tiêu chí	Số CBNV	Tỷ trọng (%)
Phân theo trình độ		
Đại học, trên đại học	443	63,38
Cao đẳng	55	7,87

Tiêu chí	Số CBNV	Tỷ trọng (%)
Công nhân kỹ thuật	134	19,17
Trình độ khác	67	9,59
Tổng cộng	699	100

LICOGI 13 luôn coi con người là tài sản quý nhất của Công ty. Do đó, các chính sách chế độ (*lương, thưởng, phúc lợi...*) đối với người lao động luôn được LICOGI 13 đảm bảo thực hiện đúng, thực hiện tốt và có lợi hơn cho người lao động so với các quy định của pháp luật.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:

a) Các khoản đầu tư vào các Dự án lớn:

*** Các dự án năng lượng:**

- 02 DA điện gió Hướng Hóa 1 & Hướng Hóa 2:

+ NM điện gió Hướng Hóa 1: Công suất: 48MW bao gồm 12 tổ máy, mỗi tổ máy công suất 4MW; Tổng mức đầu tư dự kiến: 2.081 tỷ đồng.

+ NM điện gió Hướng Hóa 2: Công suất: 48MW bao gồm 12 tổ máy, mỗi tổ máy công suất 4MW; Tổng mức đầu tư dự kiến: 2.059 tỷ đồng

+ Đã hoàn thành công tác thẩm tra báo cáo nghiên cứu khả thi, đã có thông báo kết quả thẩm định thiết kế cơ sở; Hoàn thành công tác khảo sát địa chất, địa hình, thiết kế kỹ thuật tuyến đường dây; đã ký thỏa thuận đấu nối Nhà máy điện gió LIG Hướng Hóa 1,2 vào hệ thống điện quốc gia với Tổng công ty truyền tải điện Quốc gia

- Dự án Thủy điện Sông Nhiệm 3 (Hà Giang):

+ Công suất lắp máy 14,20 MW; Sản lượng điện bình quân năm: 48,74 triệu KW;

+ Tổng mức đầu tư: 489 tỷ VNĐ

Các công việc đã thực hiện:

+ Đào đất đá các loại với khối lượng khoảng 400.000m³; Thi công bê tông các loại: 5.000 m³;

+ Thi công xong tuyến đường dây 35kV phục vụ thi công với chiều dài 1,5km và 04 trạm biến áp;

+ Chi trả xong tiền đền bù GPMB khu đầu mối; UBND tỉnh Hà Giang đã ban hành quyết định giao đất và ký Hợp đồng thuê đất cho Dự án;

+ Hoàn thành công tác ngăn sông đợt 1

- Dự án Thủy điện Nậm Pàn 5 (Sơn La):

+ Công suất thiết kế: 28MW; Sản lượng điện hàng năm: 119,15 triệu kWh;

+ Tổng mức đầu tư: 979 tỷ đồng.

Các công việc đã thực hiện:

+ Về pháp lý: Dự án đã đầy đủ các thủ tục để triển khai đầu tư xây dựng; Sở Kế hoạch

Đầu tư Tỉnh Sơn La đã có thông báo điều chỉnh giấy chứng nhận đầu tư để gia hạn thời gian hoàn thành dự án đến hết quý IV/2023.

+ Lựa chọn Tổng thầu để thu xếp nguồn vốn cho dự án. Đang trong quá trình đàm phán để ký kết hợp đồng.

+ Triển khai đền bù giải phóng mặt bằng, thi công các công trình phụ trợ; Dự kiến Quý 4/2021 khởi công và thi công các hạng mục công trình chính. Dự kiến hoàn thành công trình và phát điện vào Quý IV/2023.

*** Các dự án Bất động sản:**

- Dự án Khu nhà ở xã hội khu công nghiệp Hòa Khánh (Đà Nẵng):

+ Bàn giao cho khách hàng 02 tòa nhà ở xã hội B1&B1A, ghi nhận doanh thu trong năm 2020 là 91 tỷ đồng.

+ thi công xong phần thô và cất mái, đang tiến hành hoàn thiện tòa nhà thương mại (B3) và 02 tòa nhà ở xã hội E3&E4. Năm 2021 sẽ đẩy nhanh các hạng mục còn lại để bàn giao nhà cho khách hàng, dự kiến bàn giao chậm nhất vào tháng 6/2021.

Dự kiến doanh thu tòa thương mại B3 là 159 tỷ đồng, 02 tòa E3&E4 là 108,6 tỷ đồng.

- Dự án Đầu tư xây dựng nhà ở Khu dân cư và dịch vụ Cầu Hưng Lai Nghi (Quảng Nam):

Dự án có qui mô 109 ha tại huyện Điện Bàn tỉnh Quảng Nam; dự án được chia 03 giai đoạn

Giai đoạn I: qui mô 18,7 ha, GPMB được 17,7ha/18,7ha; 198 lô/396 lô đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; năm 2020 doanh thu ghi nhận 43,9 tỷ.

Giai đoạn II: qui mô 44,6 ha đã được thực hiện xong công tác thẩm định thiết kế cơ sở, cấp thỏa thuận đấu nối, thẩm định bản vẽ thi công hạ tầng và ký kết hợp đồng với các nhà thầu thi công. Đền bù giải phóng mặt bằng 12,4ha/44,6ha, giá trị đã đầu tư: 75,5 tỷ đồng.

Giai đoạn III: Hoàn thành việc lập điều chỉnh qui hoạch chi tiết 1/500 trong năm 2021.

- Dự án Khu du lịch cao cấp Trà Cổ (Quảng Ninh): Quy mô: 20,47 ha

+ Tổng mức đầu tư của LICOGI13: 405,410 tỷ

+ Hình thức đầu tư: Hợp tác góp 50% vốn đầu tư và được hưởng 50% sản phẩm tại dự án bao gồm 156 căn biệt thự và shophouse với tổng diện tích là 32,370 m².

Các công việc đã thực hiện:

+ Về thủ tục pháp lý: Hoàn chỉnh thủ tục và được cấp Giấy chứng nhận đầu tư điều chỉnh quy hoạch 1/500 lần thứ 5; Đã được cấp giấy phép xây dựng tổng thể toàn khu; Hoàn thành thủ tục chuyển đổi đất trong khu vực 1ha bao gồm 1 phần từ 50 năm sang sở hữu vĩnh viễn, 1 phần còn lại thành đất dịch vụ trả tiền 1 lần (khu khách sạn); Đã nộp tiền sử dụng đất/tiền thuê đất.

+ Công tác thi công Dự án: Cơ bản hoàn thành thi công hạ tầng của dự án và thi công phần thô của 42 căn Shophouse; 05 biệt thự biển .

. Thi công hoàn thiện 05 căn và đang triển khai xây dựng 25 căn còn lại của biệt thự biển mẫu 1 tầng. Đã hoàn thiện 01 căn biệt thự biển mẫu 2 tầng phục vụ công tác tham quan giới thiệu sản phẩm ra thị trường.

. Đang thi công trạm xử lý nước thải, trạm biến áp cho toàn dự án.

- Dự án Khu đô thị thương mại Bắc Kênh đào (An Giang):

+ Quy mô: 9,92 ha; Tổng mức đầu tư dự kiến 416 tỷ VNĐ.

Các công việc đã thực hiện: Điều chỉnh chủ trương đầu tư Dự án; Lập qui hoạch chi tiết 1/500; Hoàn thành công tác bổ sung kế hoạch sử dụng đất năm 2021; Đo đạc, khảo sát hồ sơ hiện trạng, thẩm định Sở tài nguyên môi trường tỉnh.

- Dự án Khu công nghiệp Quán Ngang giai đoạn 3 (Quảng Trị):

+ Quy mô đầu tư: Diện tích đất là 116,74ha; Tổng mức đầu tư dự kiến: 710 tỷ đồng

+ Sản phẩm, dịch vụ cung cấp: Xây dựng đồng bộ kết cấu hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp cho các nhà đầu tư thuê lại để xây dựng nhà xưởng; văn phòng,...

Các công việc đã thực hiện: Phê duyệt bổ sung Quy hoạch; Phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường; Lập hồ sơ Thiết kế cơ sở; Thẩm định HSDA tại Ban Quản lý Khu Kinh tế tỉnh Quảng Trị; Cấp Chủ trương đầu tư cho dự án (Quý 3/2021).

b) Các khoản đầu tư vào Công ty con/ liên kết:

- Đầu tư vốn vào Công ty cổ phần LICOGI13 – Nền móng xây dựng; Công ty CP địa ốc xanh Sài Gòn – Thuận Phước, Công ty CP Sông Nhiệm 3; Công ty CP LIG Hướng Hóa 1; Công ty CP LIG Hướng Hóa 2; Công ty CP Năng lượng Dầu khí toàn cầu.....

Tóm tắt kết quả SXKD của các công ty con:

DVT: Triệu đồng

Tên Công ty	Tổng tài sản	Vốn CSH	Doanh thu thuần	Lợi nhuận sau thuế
Công ty CP LICOGI13 – FC	1.672.348	187.578	1.171.169	10.818
Công ty CP LICOGI13 - IMC	159.891	37.074	121.821	402
Công ty CP LICOGI13 - CMC	174.414	34.365	59.904	152
Công ty CP LICOGI13 – ICI	208.071	90.000	20.528	0
Công ty CP Sài Gòn – Thành Đạt	627.048	55.340	45.063	63
Công ty CP Sài Gòn – Thuận Phước	475.582	94.894	90.950	98

Công ty TNHH MTV Trường TCN Công trình I	9.549	3.873	6.413	217
Công ty TNHH MTV ĐMT Quảng Trị	955.904	228.491	31.475	(13.409)
Công ty CP Sông Nhiệm 3	179.776	111.765	0	0

4. Tình hình tài chính hợp nhất hệ thống LICOGI13:

a) Tình hình tài chính

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	% tăng, giảm
Tổng tài sản	4.070.599	5.346.398	31
Doanh thu thuần	2.228.770	2.338.313	4,9
Lợi nhuận từ hoạt động KD	31.996	27.101	-15,2
Lợi nhuận khác	-109	-4.058	
Lợi nhuận trước thuế	31.887	23.042	-27,73
Lợi nhuận sau thuế	22.951	5.311	-76,85
Tỷ lệ chi trả cổ tức (%/mệnh giá)	0	0	

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	Ghi chú
<i>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn	1,12	1,09	
Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn			
+ Hệ số thanh toán nhanh	0,88	0,77	
<u>Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho</u>			
<u>Nợ ngắn hạn</u>			
<i>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i>			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,86	0,84	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	6,02	5,40	
<i>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i>			

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	Ghi chú
+ Vòng quay hàng tồn kho			
Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bq	3,85	3,07	
Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0,55	0,44	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số Lợi nhuận ST/DT thuần	0,0102	0,005	
+ Hệ số Lợi nhuận ST/Vốn CSH	0,039	0,013	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng TS	0,006	0,002	
+ Hệ số Lợi nhuận từ HĐKD/DT thuần	0,014	0,012	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a) Cổ phần:

STT	Loại cổ phần	Số lượng	Tỷ lệ (%)
I	Cổ phiếu phổ thông	43.598.032	100
1	Không hạn chế chuyển nhượng	43.598.032	67,18
2	Hạn chế chuyển nhượng	21.300.000	32,82

b) Cơ cấu cổ đông: Cơ cấu cổ đông phân theo các tiêu chí tỷ lệ sở hữu (cổ đông lớn, cổ đông nhỏ):

TT	Cổ đông	SLCP sở hữu	Tỷ lệ (%)
I	Cổ đông lớn (Sở hữu $\geq 5\%$ VĐL)	3.481.631	5,37
1	Phạm Văn Thăng	3.481.631	5,37
II	Cổ đông nhỏ (Sở hữu $< 5\%$ VĐL)	60.552.493	93,3
III	Cổ phiếu quỹ	863.908	1,33
Tổng cộng		64.898.032	100

- Cơ cấu cổ đông phân loại theo cổ đông tổ chức và cổ đông cá nhân; cổ đông trong nước và cổ đông nước ngoài

TT	Cổ đông	SLCP sở hữu	Tỷ lệ (%) VĐL
I	Cổ đông là tổ chức	3.623.115	4,25
1	Trong nước	2.759.207	4,25

TT	Cổ đông	SLCP sở hữu	Tỷ lệ (%) VĐL
2	Nước ngoài	0	0
II	Cổ đông là cá nhân	37.338.540	94,42
1	Trong nước	61.259.813	94,40
2	Nước ngoài	15.104	0,02
III	Cổ phiếu quỹ	863.908	1,33
Tổng		64.898.032	100

Ghi chú: Số liệu cổ phần của cổ đông do TTLKCK chốt tại ngày 29.3.2021.

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

- Vốn điều lệ khi cổ phần hóa: 10.000 triệu đồng.
- Tình hình thay đổi vốn đầu tư của CSH:

TT	Thời gian phát hành tăng vốn	Số lượng phát hành (CP)	Mệnh giá (đồng/CP)	Vốn điều lệ sau sau tăng vốn (đồng)
1	09/2006	500.000	10.000	15.000.000.000
2	01/2007	500.000	10.000	20.000.000.000
3	09/2007	2.454.812	10.000	44.548.120.000
4	12/2007	1.545.188	10.000	60.000.000.000
5	06/2010	2.999.896	10.000	89.998.960.000
6	08/2010	3.000.104	10.000	120.000.000.000
7	10/2015	5.568.100	10.000	175.681.000.000
8	12/2015	4.343.106	10.000	219.112.060.000
9	09/2016	21.686.826	10.000	435.980.320.000
10	11/2020	21.300.000	10.000	648.980.320.000

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có

e) Các chứng khoán khác: không có

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty:

6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm:

TT	Loại vật liệu	ĐVT	Giá trị
1	Thép các loại	Triệu đồng	442.151
2	Xi măng	Triệu đồng	15.028
3	Bê tông	Triệu đồng	177.430
4	Đá, gạch, bột đá	Triệu đồng	22.975

b) Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức: Các vật liệu của Công ty sử dụng một lần không tái chế.

6.2. Tiêu thụ năng lượng

a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp: Xăng, dầu, điện.

TT	Loại nhiên liệu – năng lượng	ĐVT	Giá trị
1	Xăng - Dầu	Triệu đồng	10.177
2	Điện	Triệu đồng	6.887
3	Nước	Triệu đồng	400.987

b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả: Chưa có biện pháp đo đếm.

c) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng: Không có

6.3. Tiêu thụ nước: (mức tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh trong năm)

a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng: nguồn nước sinh hoạt và nguồn nước tự nhiên khác; lượng nước sử dụng 22.865 m³.

b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng: Sử dụng một lần không tái chế.

6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không có.

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không có

6.5. Chính sách liên quan đến người lao động

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động.

- Số lượng lao động (xem mục 2.3 phần II của báo cáo)

- Mức lương trung bình: 12,7 triệu đồng/người/tháng.

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động.

Công ty luôn quan tâm tới việc thực hiện chế độ đối với người lao động: đảm bảo 100% người lao động có việc làm; thực hiện đúng quy định về các chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp; công tác tiền lương đã liên tục điều chỉnh hằng năm phù hợp với lộ trình tăng lương của Chính phủ.

- Thực hiện tốt công tác chăm lo đời sống CBCNV cả về vật chất và tinh thần. Các chế độ chính sách cho người lao động (*lương, thưởng, phúc lợi...*) được quan tâm, thực hiện tốt và có lợi hơn cho người lao động so với quy định của pháp luật; đặc biệt, đối với CBCNV làm việc tại các công trình/dự án trọng điểm, vùng sâu, vùng xa luôn được tạo điều kiện tốt nhất về sinh hoạt ăn, ở, hỗ trợ đi lại và tiền lương được hưởng có thêm phụ cấp khu vực.

- Ngoài ra, nhằm tái tạo sức lao động, CBCNV được Công ty luôn duy trì việc chi trả chế độ bồi dưỡng tại chỗ hoặc tổ chức thăm quan, nghỉ mát tại những điểm du lịch, khu nghỉ dưỡng có dịch vụ tốt.

Thời gian làm việc: Công ty cổ phần Licogi 13 tổ chức làm việc 8h/ngày, 5,5 ngày/tuần, nghỉ trưa 1h15'. Thực hiện nghỉ chiều thứ 7, ngày chủ nhật. Khi có yêu cầu về tiến độ sản xuất, kinh doanh thì nhân viên Công ty có trách nhiệm làm thêm giờ và Công ty có những quy định đảm bảo quyền lợi cho người lao động theo quy định của nhà nước và đãi ngộ thỏa đáng cho người lao động.

Nghỉ phép, nghỉ lễ, tết: Thực hiện theo Luật lao động, nhân viên Công ty làm việc với thời gian 12 tháng được nghỉ phép 12 ngày và thời gian làm việc không đủ 12 tháng được tính theo tỷ lệ thời gian làm việc. Ngoài ra cứ 05 năm làm việc tại Công ty nhân viên được cộng thêm 01 ngày phép trong năm. Người lao động được nghỉ lễ, tết theo quy định của Luật lao động.

Nghỉ ốm, thai sản: Nhân viên Công ty được nghỉ ốm 03 ngày trong năm và được hưởng nguyên lương. Trong thời gian nghỉ thai sản, ngoài thời gian nghỉ 06 tháng với chế độ bảo hiểm theo đúng quy định, còn được hưởng thêm 06 tháng lương cơ bản do Bảo hiểm xã hội chi trả.

c) Hoạt động đào tạo người lao động

Công ty chú trọng đẩy mạnh các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng, đặc biệt là nắm bắt các yêu cầu về kỹ năng tác nghiệp, kỹ năng về nghiệp vụ chuyên môn đảm bảo yêu cầu về chuyên môn của Công ty. Việc đào tạo tại Công ty được thực hiện theo hướng sau:

- Đào tạo nhân viên mới: sau khi được tuyển dụng, nhân viên mới sẽ được Công ty tổ chức đào tạo để nắm rõ về nội quy lao động và các quy định nội bộ, trách nhiệm quyền hạn được giao, phương pháp, quy trình và kỹ năng thực hiện công việc.

- Đào tạo thường xuyên: Căn cứ vào nhu cầu phát triển của Công ty, năng lực, trình độ cán bộ, mức độ gắn bó với Công ty, Công ty định ra kế hoạch đào tạo dưới nhiều hình thức: cử đi đào tạo, đào tạo tại chỗ bằng các khoá huấn luyện.v.v... Kết quả sau mỗi khoá học được

báo cáo đầy đủ ngay để Công ty đánh giá hiệu quả của các phương pháp và hình thức đào tạo.

6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương.

Công ty Cổ phần LICOGI 13 luôn chú trọng thực hiện trách nhiệm với cộng đồng địa phương tại địa bàn Công ty có trụ sở làm việc và tại các địa bàn Công ty triển khai các công trình, dự án. Công ty tham gia đóng góp, tài trợ kinh phí cho địa phương để ủng hộ người nghèo, người khuyết tật, các phong trào từ thiện, tình nguyện tại địa phương ...

Năm 2020, trước sự ảnh hưởng của dịch COVID-19 đối với cộng đồng, Công ty đã chung tay đóng góp **15.000** chiếc khẩu trang, trong đó 3.000 chiếc gửi tặng các bác sĩ và nhân viên y tế Bệnh viện Bạch Mai, 10.000 chiếc tặng UB MTTQ tỉnh Quảng Trị, 2.000 chiếc tặng các chiến sĩ cửa khẩu Lao Bảo Quảng Trị; tham gia đóng góp trong “*Chương trình tặng cà phê, trà sữa đến các bác sĩ và nhân viên y tế tại Bệnh viện nhiệt đới TW*” với tổng giá trị **hơn 100 triệu đồng**.

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc (Ban Giám đốc báo cáo và đánh giá về tình hình mọi mặt của công ty)

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

- Doanh thu hợp nhất: 2.338,3 tỷ đồng, đạt 115% kế hoạch năm. Trong đó:

+ *Doanh thu hoạt động xây lắp: 1.819,9 tỷ đồng*

+ *Doanh thu sản xuất điện: 143,8 tỷ đồng*

+ *Doanh thu hoạt động kinh doanh BĐS đầu tư: 143 tỷ đồng*

+ *Doanh thu khác: 231,6 tỷ đồng*

* Lợi nhuận sau thuế hợp nhất: 11 tỷ đồng, đạt 18,8% so với kế hoạch năm, trong đó lợi nhuận sau thuế Công ty Mẹ đạt 5,6 tỷ đồng.

* Giá trị đầu tư: 585 tỷ đồng, đạt 55% so với kế hoạch năm.

* Nguyên nhân chính không hoàn thành kế hoạch lợi nhuận:

+ Khi xây dựng kế hoạch lợi nhuận tổng thể, Công ty có tính toán đến lợi nhuận từ việc tiêu thụ sản phẩm BĐS tại dự án Khu du lịch cao cấp Trà cổ, do ảnh hưởng bởi dịch COVID-19 tác động trực tiếp vào Tỉnh Quảng Ninh nên việc tiêu thụ sản phẩm đặt ra trong năm 2020 chưa thực hiện được.

+ Thủ tục chuyển giao Nhà máy điện mặt trời sang Công ty dự án kéo dài, nên việc chuyển nhượng vốn góp tại Quảng Trị cũng không thực hiện được trong năm 2020.

+ Hầu hết các Công ty thành viên không hoàn thành được kế hoạch do sự đình trệ của nền kinh tế; Mặt khác, giá vật liệu (thép, xi măng...) biến động tăng cao về cuối năm, chi phí tài chính cao... đã ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả lợi nhuận của doanh nghiệp.

+ Chi phí tài chính toàn hệ thống tăng 31% so với năm 2019.

* Nguyên nhân chính không hoàn thành kế hoạch đầu tư: Trong năm chưa triển khai được Dự án Thủy điện Nậm pàn 5, Dự án thủy điện Sông Nhiệm 3 đạt 32% kế hoạch, Dự án

Nhà ở xã hội KCN Hòa Khánh đạt 53%, Dự án Cầu Hưng Lai Nghi đạt 30%, dự án Trà Cỏ đạt 50%....

- Những tiến bộ công ty đã đạt được:

+ Giữ gìn và phát triển thương hiệu đối với chất lượng các hoạt động xây lắp, dịch vụ, LICOGI13 còn được biết đến trong vai trò là nhà đầu tư các dự án lớn về bất động sản, năng lượng. Uy tín của LICOGI 13 đối với các đối tác, khách hàng, chính quyền địa phương... được bảo đảm.

+ Thực hiện tốt mục tiêu tổng thể: duy trì và phát triển Công ty dựa trên 3 trụ cột: xây dựng, bất động sản, công nghiệp và hạ tầng:

Lĩnh vực xây dựng: bổ sung các năng lực mới để làm chủ hầu hết các công đoạn trong chuỗi giá trị của sản phẩm xây dựng. Mục tiêu tổng thể đã được hiện thực hóa với nhiều công trình, dự án với quy mô lớn.

Trong lĩnh vực bất động sản, các dự án bất động sản với đa dạng về loại hình, quy mô và khu vực thị trường đã được nghiên cứu, làm chủ hoặc hợp tác đã và đang chuẩn bị, thực hiện đầu tư; nhiều sản phẩm của một số dự án đã hoàn thành, bàn giao đưa vào sử dụng. Đây là hướng đi đúng, nhạy bén bước đầu đã đạt được những kết quả khả quan.

Trong lĩnh vực công nghiệp và hạ tầng, thực hiện đột phá vào mảng năng lượng tái tạo theo định hướng phát triển năng lượng sạch của Chính phủ. Đã hoàn thành đầu tư Dự án điện mặt trời công suất 49,5MWp mang lại hiệu quả đầu tư; Tiếp tục triển khai đầu tư 02 dự án điện gió, đang thi công 1 dự án thủy điện nhỏ, hoàn thành thủ tục chuẩn bị đầu tư 01 dự án khu công nghiệp và tiếp tục nghiên cứu một số dự án năng lượng tái tạo có tiềm năng.

+ Mở rộng qui mô sản xuất kinh doanh, tiếp tục giữ đà tăng trưởng đều qua các năm. giá trị doanh thu toàn hệ thống tăng 71,2% trong 5 năm; Bên cạnh đó, mở rộng và phát triển địa bàn đầu tư kinh doanh cũng là bước đột phá của Công ty trong 5 năm qua. Từ một số địa bàn kinh doanh truyền thống, đến nay Công ty đã có các dự án, công trình tại nhiều tỉnh thành trong cả nước, trải dài cả ba miền Bắc, Trung, Nam.

+ Phát triển, mở rộng qui mô toàn hệ thống đồng thời với việc tái cơ cấu các đơn vị thành viên. Thực hiện tái cơ cấu một số đơn vị thành viên làm ăn kém hiệu quả đồng thời hình thành và tạo mới nhiều Công ty con/ liên kết phù hợp với sự phát triển và mở rộng ngành nghề và địa bàn kinh doanh của hệ thống. Hiện LICOGI13 có 16 công ty con/ liên kết hoạt động trong các lĩnh vực, ngành nghề đa dạng. Các Công ty con đã phát huy tốt năng lực ngành nghề cốt lõi, khai thác tối đa thế mạnh của đơn vị mình.

2. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài sản: Tình hình biến động tài sản:

DVT: Triệu đồng

Tài sản	Số cuối năm	Số đầu năm	Biến động (cuối năm - đầu năm)	
			Giá trị	Tỷ lệ % (GT/số đầu năm)
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	3.206.288	2.104.419	1.101.869	52,36
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	190.722	34.375	156.347	454,82
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	3.000		3.000	100
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	1.982.704	1.560.525	422.179	27,05
IV. Hàng tồn kho	933.964	450.571	483.393	107,28
V. Tài sản ngắn hạn khác	95.898	58.948	36.950	62,68
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	2.140.110	1.966.181	173.930	8,84
I. Các khoản phải thu dài hạn	154.147	100.211	53.936	53,82
II. Tài sản cố định	1.160.400	1.202.060	(41.659)	(3,46)
III. Bất động sản đầu tư	102.662	30.659	72.004	234,86
IV. Tài sản dở dang dài hạn	375.747	392.165	(16.418)	(4,18)
V. Các khoản đầu tư TC dài hạn	317.512	211.512	106.000	50,11
VI. Tài sản dài hạn khác	29.642	29.575	67	0,02
TỔNG TÀI SẢN	5.346.398	4.070.599	1.275.799	31,34

b) **Tình hình nợ phải trả:** Tình hình nợ hiện tại, biến động lớn về các khoản nợ:

DVT: Triệu đồng

Tài sản	Số cuối năm	Số đầu năm	Biến động (cuối năm - đầu năm)	
			Giá trị	Tỷ lệ % (GT/số đầu năm)
C. NỢ PHẢI TRẢ	4.511.550	3.490.643	1.020.908	29,25
I. Nợ ngắn hạn	2.941.147	1.873.482	1.067.666	56,99
1. Phải trả người bán ngắn hạn	864.336	578.747	285.590	49,35
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	273.106	161.565	111.541	69,04
3. Thuế và các khoản phải nộp NN	37.640	24.596	13.044	53,03
4. Phải trả người lao động	136.268	66.646	69.622	104,46

5. Chi phí phải trả ngắn hạn	63.112	97.116	(34.004)	(35,01)
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	1.309	3.854	(2.464)	(63,93)
7. Phải trả ngắn hạn khác	558.947	34.474	524.473	1.521,36
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	1.003.265	903.171	100.094	11,08
9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	1713	1.713	0	0
10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	1.369	1.600		
II. Nợ dài hạn	1.570.403	1.617.161	(46.758)	(2,89)
1. Phải trả dài hạn người bán	183.033	77.222	105.812	137,02
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	111.222	16.191	95.031	586,94
3. Chi phí phải trả dài hạn	54.881			
4. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	1.785			
3. Phải trả dài hạn khác	248.357	584.584	(336.227)	(57,52)
4. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	969.126	936.188	32.938	3,51
5. Dự phòng phải trả dài hạn	1.999	2.977	(978)	(32,85)

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý:

- Chính sách, quản lý: Rà soát các quy chế quản lý của Công ty để sửa đổi theo hướng thiết thực, hiệu quả, đề cao tính tự chủ, dám làm, dám chịu trách nhiệm, khích lệ tư duy liên kết, chia sẻ và hợp tác sự phát triển bền vững của Công ty.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai:

- Năm 2021 Công ty sẽ tập trung nguồn tài chính, nhân lực, thiết bị để tiếp tục thực hiện các DA đầu tư, SXKD để hoàn thành mục tiêu doanh thu, lợi nhuận đã đề ra.

- Tiếp tục khai thác thị trường mới, mở rộng đầu tư vào các lĩnh vực SXKD có tiềm năng và thế mạnh như năng lượng sạch, đầu tư bất động sản, phát triển nhà ở, khu công nghiệp...

- Nâng cao năng lực đấu thầu, tìm kiếm thị trường, phát huy vai trò tổng thầu xây lắp, tập trung khai thác các dự án/ công trình có nguồn vốn tốt.

Các giải pháp cơ bản:

+ *Giải pháp đối với hoạt động xây lắp:* Nâng cao hiệu quả hoạt động xây lắp bằng các phương án tổ chức thực hiện tối ưu đối với từng loại công trình/dự án; xây dựng hệ thống và qui trình quản lý xây lắp đối với một nhà thầu chuyên nghiệp, phát huy mô hình tổng thầu xây lắp cùng với các giải pháp kiểm soát và phòng ngừa rủi ro trước, trong và sau quá trình thực hiện hợp đồng.

+ *Giải pháp đối với hoạt động đầu tư:* Bám sát các quy định, cơ chế chính sách của Chính phủ và các địa phương nơi có dự án đầu tư để công tác đầu tư không trái với pháp luật.

Vận dụng linh hoạt, nắm bắt các cơ hội hợp tác, thu hút vốn và các nguồn lực để đẩy nhanh tiến độ và đảm bảo hiệu quả đầu tư.

5. Giải trình của Ban Tổng Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán: Không có. Ý kiến kiểm toán là ý kiến chấp nhận toàn phần.

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty

a. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường: Mọi hoạt động của Công ty đều đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật về môi trường. Tại tất cả các cấp đều có ý thức tiết kiệm nguyên, nhiên liệu, tiết kiệm năng lượng.

b. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động: Công ty luôn quan tâm tới việc thực hiện chế độ đối với người lao động, thực hiện đúng quy định về các chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp; công tác tiền lương đã liên tục điều chỉnh hằng năm phù hợp với lộ trình tăng lương của Chính phủ; Công ty chú trọng đẩy mạnh các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng, đặc biệt là nắm bắt các yêu cầu về kỹ năng tác nghiệp, kỹ năng về nghiệp vụ chuyên môn đảm bảo yêu cầu về chuyên môn của Công ty. Trong mọi hoạt động Công ty đều chú trọng xem xét lợi ích người lao động.

c. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương: Công ty chú trọng thực hiện trách nhiệm với cộng đồng địa phương tại địa bàn Công ty có trụ sở làm việc và tại các địa bàn Công ty triển khai các công trình, dự án. Công ty luôn đóng góp, tài trợ kinh phí cho địa phương để ủng hộ người nghèo, người khuyết tật, các phong trào từ thiện, tình nguyện tại địa phương.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội:

Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

- Doanh thu hợp nhất đạt **2.338.313 triệu đồng** hoàn thành **115%** kế hoạch năm.
- Lợi nhuận sau thuế hợp nhất đạt **11.033 triệu đồng** hoàn thành **18,77%** kế hoạch năm.

Hội đồng quản trị Công ty đã thay đổi cách thức tư duy và phương thức hoạt động để phù hợp với sự phát triển trong tình hình mới. Theo đó, chú trọng vào hai chức năng chủ đạo là tạo lập môi trường hoạt động bên trong doanh nghiệp và hoạch định chiến lược. Ba chức năng còn lại bao gồm: quản lý, giám sát và hỗ trợ chuyển hướng sang “theo mục tiêu” và “vì mục tiêu”

Đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty

- Mọi hoạt động của Công ty đều đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật về môi trường. Tại tất cả các cấp đều có ý thức tiết kiệm nguyên, nhiên liệu, tiết kiệm năng lượng.

- Công ty chú trọng thực hiện trách nhiệm với cộng đồng địa phương tại địa bàn Công ty có trụ sở làm việc và tại các địa bàn Công ty triển khai các công trình, dự án. Công ty luôn đóng góp, tài trợ kinh phí cho địa phương để ủng hộ người nghèo, người khuyết tật, các phong

trào từ thiện, tình nguyện tại địa phương.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc công ty

- Ban Tổng giám đốc chủ động xây dựng các phương án SXKD, đầu tư bám sát các chỉ tiêu kế hoạch đã được ĐHĐCĐ thường niên thông qua, các nội dung nghị quyết, quyết định của HĐQT; tích cực, linh hoạt và nhạy bén trong tổ chức, điều hành, chủ động điều phối các nguồn lực của hệ thống để đạt hiệu quả cao nhất.

- Về các mục tiêu trung dài hạn, Ban Tổng giám đốc đã thực hiện đúng chủ trương, định hướng của ĐHĐCĐ và HĐQT đề ra, các dự án đầu tư quan trọng đều báo cáo trình hội đồng quản trị phê duyệt.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị:

- Trong vòng 3 đến 5 năm mức vốn hóa thị trường của công ty đạt khoảng 70 triệu USD với giá cổ phiếu đạt 0,7 USD/1 cổ phiếu.

- Kiên định mục tiêu chuyển đổi cơ cấu ngành nghề của Công ty dựa trên 3 trụ cột để đảm bảo sự hài hòa, bền vững giữa hiệu quả hàng năm (*ngắn hạn*), 3-5 năm (*trung hạn*) và trên 5 năm (*dài hạn*), bao gồm **xây dựng, bất động sản, công nghiệp và hạ tầng**. Các nền tảng cơ bản của cả 3 trụ cột đã được thiết lập với các mục tiêu dần được hiện thực hóa.

- Thực hiện tái cấu trúc doanh nghiệp thường xuyên và nâng cao chất lượng hoạt động M&A.

- Chuyển đổi mô hình Công ty thành tập đoàn kinh tế đa ngành.

- Xây dựng, thực hiện hệ thống quản trị phù hợp với chuẩn mực và thông lệ quốc tế, phù hợp với văn hóa Việt Nam.

V. Quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

TT	Họ và tên	Chức vụ	Số CP sở hữu có quyền biểu quyết	Tỷ lệ sở hữu/VĐL (%)	Chức vụ tại các đơn vị khác
1	Bùi Đình Sơn	Chủ tịch	1.887.500	2,91	- Chủ tịch HĐQT các Công ty: Cty CP LICOGI 13 – FC; LICOGI 13-IMC; LICOGI 13-TSM;
2	Phạm Văn Thăng	Ủy viên HĐQT – TGD	3.481.631	5,36	- Ủy viên HĐQT các Công ty: Công ty CP năng lượng tái tạo LICOGI13; Công ty CP Sông Nhiệm 3; Công ty CP năng lượng dầu khí toàn cầu; Công ty CP LIG Hướng Hóa 2; Ủy

					viên HĐQT Cty TNHH MTV ĐMT QT
3	Nguyễn Quốc Hùng	Ủy viên	600.000	0,92	- Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần chứng khoán Alpha - Ủy viên HĐQT Cty LICOGI 13 – FC
4	Nguyễn Văn Hiệp	Ủy viên	601.229	0,93	- Chủ tịch kiêm Tổng giám đốc Công ty CP ĐTPT Hà Thành; - Chủ tịch HĐQT Công ty CP VLXD Sông Đáy; Công ty CP Sông Đáy – Hồng Hà; - Ủy viên HĐQT Công ty CP LICOGI 13 – FC.
5	Vũ Tuấn Dương	Ủy viên	577.604	0,89	- Chủ tịch HĐQT Công ty CP địa ốc xanh Sài Gòn – Thuận Phước.
6	Nguyễn Thanh Tú	Ủy viên HĐQT – Phó TGĐ	257.202	0,396	Không
7	Đỗ Thanh Hà	Ủy viên HĐQT – Phó TGĐ	642.232	0,99	- Chủ tịch HĐQT các Công ty: Công ty CP LICOGI13 – CMC; Công ty CP LICOGI13 – ICI; Ủy viên HĐQT Công ty CP LICOGI 13 – Cơ giới hạ tầng

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Tiểu ban truyền thông.

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị: HĐQT tổ chức 17 cuộc họp, xin ý kiến 4 lần để ban hành các Nghị quyết, quyết định liên quan tới các chủ trương, quyết sách của Công ty:

*** Các nghị quyết của HĐQT:**

TT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung
1	01/2020/NQ-LICOGI13-HĐQT	26/02/2020	-V/v: Góp vốn thành lập Công ty TNHH MTV Điện mặt trời LICOGI13 và bổ nhiệm người đại diện quản lý phần vốn góp.
2	02/2020/NQ-LICOGI13-HĐQT	16/3/2020	V/v: Sử dụng tài sản làm biện pháp bảo đảm tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV)- Chi nhánh Thanh Xuân.

TT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung
3	03/2020/NQ-LICOGI13-HĐQT	04/4/2020	V/v: Chuyển nhượng một phần cổ phần của LICOGI13 tại Công ty CP Phúc An Khanh Bình Phước.
4	04/2020/NQ-LICOGI13-HĐQT	29/6/2020	V/v: Góp vốn thành lập công ty TNHH MTV Điện mặt trời Quảng Trị; bổ nhiệm người đại diện quản lý phần vốn góp và chuyển giao dự án, khoản vay.
5	06/2020/NQ-LICOGI13-HĐQT	15/7/2020	V/v: Chuyển giao nhà máy ĐTM LIG Quảng Trị từ LICOGI13 sang công ty TNHH MTV ĐMT Q.Trị
6	07/2020/NQ-LICOGI13-HĐQT	16/7/2020	V/v: Bàn giao thực hiện dự án đầu tư Nhà máy điện gió LIG Hướng Hóa 1 và nhà máy điện gió Hướng Hóa 2.
8	09/NQ-LICOGI13-HĐQT	17/8/2020	V/v: Triển khai thực hiện phương án phát hành cổ phiếu riêng lẻ và một số nội dung khác liên quan đến đợt phát hành.
9	10/NQ-LICOGI13-HĐQT	15/9/2020	V/v: Điều chỉnh và chi tiết phương án sử dụng vốn từ đợt chào bán riêng lẻ.
10	11/NQ-LICOGI13-HĐQT	05/11/2020	V/v: Thông qua thời hạn nộp tiền mua cổ phần chào bán riêng lẻ.
11	12/NQ-LICOGI13-HĐQT	16/11/2020	V/v: Thông qua kết quả chào bán cổ phiếu riêng lẻ và các vấn đề liên quan.
12	13/2020/NQ-LICOGI13-HĐQT	19/11/2020	V/v: Thống nhất bỏ ngành, nghề “Cung ứng và quản lý nguồn lao động” trong Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần LICOGI13.
13	14/2020/NQ-LICOGI13-HĐQT	24/11/2020	V/v: Thông qua việc tăng vốn điều lệ tại Công ty cổ phần LICOGI13-Đầu tư và hạ tầng

b) Các quyết định của HĐQT

STT	Số Quyết định	Ngày	Nội dung
1	01/QĐ-LICOGI13-HĐQT	18/1/2020	V/v: Chấm dứt hoạt động của Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh khai thác cơ sở hạ tầng Cụm công nghiệp Bắc Quán ngang tại Gio Linh, Quảng Trị.
2	02/QĐ-LICOGI13-HĐQT	18/3/2020	V/v: Đầu tư hình thành tài sản cố định đối với căn LK06 thuộc dự án khu nhà ở thấp tầng LICOGI13.
3	03A/QĐ-LICOGI13-HĐQT	07/4/2020	V/v: Mua thêm cổ phần tăng vốn điều lệ tại Công ty cổ phần LICOGI13-Nền móng xây dựng.
4	03B/QĐ-LICOGI13-HĐQT	25/5/2020	V/v: Góp vốn thành lập Công ty cổ phần Hương Hóa 1 và bổ nhiệm người đại diện quản lý phần vốn góp.
5	04/QĐ-LICOGI13-HĐQT	25/5/2020	V/v: Góp vốn thành lập Công ty cổ phần LIG-Hương Hóa 2 và bổ nhiệm người đại diện quản lý phần vốn góp.
6	05/QĐ-LICOGI13-HĐQT	30/6/2020	V/v: Thanh toán thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2020.
7	06/QĐ-LICOGI13-HĐQT	01/7/2020	V/v: Giải thể Công ty TNHH MTV điện mặt trời LICOGI13
8	07/QĐ-LICOGI13-HĐQT	08/7/2020	V/v: Lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2020
9	08/QĐ-LICOGI13-HĐQT	14/7/2020	V/v: Phê duyệt tăng tỷ lệ góp vốn vào 02 Công ty LIG Hương Hóa 1 và LIG Hương Hóa 2.
10	09/QĐ-LICOGI13-HĐQT	20/7/2020	V/v: Phân công nhiệm vụ và lĩnh vực phụ trách của thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2020-2024.
11	10/QĐ-LICOGI13-HĐQT	16/9/2020	V/v: Phê duyệt bổ sung chi phí thuế nhập khẩu phát sinh tại dự án nhà máy điện mặt trời LIG – Quảng trị.
12	11/QĐ-LICOGI13-HĐQT	04/11/2020	V/v: Phê duyệt tăng vốn góp thay đổi vốn điều lệ và thay đổi ngành nghề ĐKKD Công ty TNHH MTV Điện mặt trời Quảng Trị.
13	12/QĐ-LICOGI13-HĐQT	31/12/2020	V/v: Mua lại sàn văn phòng tầng 15 Tòa nhà trụ sở văn phòng và căn hộ cao cấp LICOGI13 TOWER tại đường Khuất Duy Tiến, Thanh Xuân, HN.

d) Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị:

- Các thành viên tiểu ban truyền thông đã được đào tạo các kỹ năng cơ bản về cách đưa tin bài đảm bảo các yếu tố kỹ, mỹ thuật khi đưa tin bài về hoạt động của Công ty.

e) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm: *Không có*

2. Ban Kiểm soát

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

TT	Họ và tên	Chức vụ	Số CP sở hữu	Tỷ lệ (%)
1	Dương Thị Phương	Trưởng ban	0	0
2	Đinh Thị Kim Anh	Thành viên	0	0
3	Lê Văn Cường	Thành viên	0	0

b) Hoạt động của Ban kiểm soát: Trong năm 2020 Ban kiểm soát đã được cung cấp các thông tin của Công ty và tổ chức họp BKS để đánh giá tình hình hoạt động, SXKD của Công ty.

Ban kiểm soát đã thực hiện nhiệm vụ theo qui định của Điều lệ Công ty và theo nội dung mà Đại hội cổ đông giao phó.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát:

a) Lương, thưởng và các khoản lợi ích, thù lao:

ĐVT: Triệu đồng

TT	Họ và tên	Chức vụ	Các khoản lương, lợi ích và thù lao
I	Hội đồng quản trị		2.542
1	Bùi Đình Sơn	Chủ tịch	413
2	Phạm Văn Thăng	UV. HĐQT - TGD	474
3	Vũ Tuấn Dương	Ủy viên	397
4	Nguyễn Văn Hiệp	Ủy viên	190
5	Nguyễn Quốc Hùng	Ủy viên	190
6	Nguyễn Thanh Tú	UV HĐQT – Phó TGD	466
7	Đỗ Thanh Hà	Ủy viên HĐQT – Phó TGD	412
II	Ban Tổng giám đốc		602

1	Phạm Văn Thăng	Tổng giám đốc	Đã bao gồm trong mục HĐQT
2	Nguyễn Thanh Tú	Phó TGD	Đã bao gồm trong mục HĐQT
3	Đỗ Thanh Hà	Phó TGD	Đã bao gồm trong mục HĐQT
4	Lê Xuân Thành	Phó TGD	304
5	Trần Quang Huy	Phó TGD	298
III	Ban Kiểm soát		448
1	Dương Thị Phương	Trưởng ban	228
2	Đinh Thị Kim Anh	Thành viên	202
3	Lê Văn Cường	Thành viên	18
	Cộng		3.592

b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: Không có.

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: *Danh sách theo phụ lục đính kèm*

d) Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty: Công ty thực hiện đúng các quy định về quản trị Công ty.

VI. Báo cáo tài chính

1. Ý kiến kiểm toán: Ý kiến chấp nhận toàn phần.

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán: Địa chỉ đăng tải Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2020 đã được kiểm toán của Công ty: <http://licogi13.com.vn>

Hà Nội, ngày 19 tháng 4 năm 2021

CÔNG TY CỔ PHẦN LICOGI13
TỔNG GIÁM ĐỐC



Phạm Văn Thăng

Phụ lục: Danh mục Hợp đồng mua bán vật tư/ Hợp đồng giao thầu; Hợp đồng vay/cho vay đối với các Công ty con, người có liên quan thực hiện trong năm 2020
(Theo qui định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 về việc công bố thông tin trên TTCK)

STT	Tên công ty/ đối tượng có liên quan	Tên hợp đồng	Giá trị hợp đồng (đồng) (Bao gồm VAT)
1	CÔNG TY CỔ PHẦN LICOGI13 – CƠ GIỚI HẠ TẦNG	HĐ số: 106/2020/HĐXD/LIG13-IMC về việc “Thi công Gói thầu: Hạ tầng kỹ thuật, thuộc Dự án: Khu đô thị và du lịch cao cấp Trà Cổ, tp Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh” ký ngày 10/06/2020	36.257.253.832

